

Số: /KH-BCĐ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn
thực phẩm trong dịp Tết trung thu năm 2025.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về “Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới”.

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

Thực hiện Công văn số 2248/TTTN-NV ngày 19/8/2025 của Cục Quản lý và Phát triển Thị trường trong nước về triển khai hậu kiểm và tăng cường kiểm tra trong dịp Tết Trung thu; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tỉnh Đồng Nai năm 2025; theo đó giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đảm bảo ATTP dịp Tết Trung thu năm 2025.

Nhằm triển khai có hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Trung thu năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tình hình ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua đường thực phẩm, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Đồng Nai xây dựng Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2025; cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, dịch vụ ăn uống, ưu tiên tập trung các mặt hàng thực phẩm phục vụ Tết Trung thu; Thông qua hoạt động kiểm tra, hậu kiểm ATTP kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, góp phần làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân;

2. Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu của các cấp, các ngành từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, phường;

3. Trong quá trình kiểm tra, hậu kiểm kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo

dục các kiến thức, các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP, nâng cao ý thức bảo đảm ATTP của toàn cộng đồng.

II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

- Thời gian triển khai: từ ngày 15/9/2025 đến ngày 10/10/2025

- Phạm vi triển khai: Tại 95 phường, xã.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức và thực hành cho người sản xuất, người kinh doanh, người tiêu dùng thực phẩm trong dịp Tết Trung thu. Nội dung tuyên truyền cho các nhóm đối tượng như sau:

- Đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm, đặc biệt là các cơ sở sản xuất bánh trung thu, bánh kẹo:

+ Tập trung phổ biến, tuyên truyền các quy định về điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, kiến thức, thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất thực phẩm, chế biến thực phẩm quy định tại các văn bản hiện hành.

+ Các quy định về nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm, quy định về sử dụng phụ gia, hương liệu, bao bì thực phẩm, ghi nhãn sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm/tự công bố sản phẩm, bảo quản sản phẩm thực phẩm.

- Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm, đặc biệt là cơ sở kinh doanh bánh trung thu:

+ Tuyên truyền các quy định về điều kiện vệ sinh nơi bày bán sản phẩm, nhập khẩu sản phẩm thực phẩm, công bố sản phẩm phù hợp quy định an toàn sản phẩm thực phẩm, vệ sinh cá nhân người kinh doanh thực phẩm.

+ Các cơ sở kinh doanh bánh trung thu phải đảm bảo nơi trưng bày, kinh doanh và bảo quản bánh nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để bánh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, không để cùng các hàng hóa khác. Tuyệt đối không bán bánh quá hạn sử dụng, bánh mốc, không đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Đối với người tiêu dùng:

+ Phổ biến tuyên truyền về quyền lợi và nghĩa vụ của người tiêu dùng trong sử dụng thực phẩm.

+ Hướng dẫn lựa chọn, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm an toàn; chỉ mua, sử dụng thực phẩm, phụ gia thực phẩm có nhãn mác đầy đủ, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; không sử dụng phụ gia thực phẩm ngoài danh mục, không đúng đối tượng, liều lượng theo quy định.

- Đưa tin rộng rãi về những cơ sở sản xuất, kinh doanh bánh trung thu đảm bảo an toàn thực phẩm và những cơ sở vi phạm quy định điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Hoạt động kiểm tra, hậu kiểm

- Các Sở, ban, ngành: Căn cứ chức năng nhiệm vụ và tình hình quản lý của ngành,

chủ động tổ chức các đoàn kiểm tra, hậu kiểm chuyên ngành hoặc liên ngành kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như bánh trung thu, kẹo, rượu, bia, nước giải khát; Nguyên liệu, phụ gia thực phẩm sản xuất bánh trung thu, nhân bánh trung thu, bao bì chứa đựng trực tiếp bánh trung thu,...

- UBND các phường, xã: Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương chủ động xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm Tết trung thu năm 2025 trên địa bàn; tổ chức các đoàn kiểm tra, hậu kiểm chuyên ngành hoặc liên ngành kiểm tra công tác đảm bảo an toàn thực phẩm Tết trung thu năm 2025 tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn theo quy định (*Các văn bản quy phạm pháp luật kèm theo Phụ lục I*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về công tác tuyên truyền

Đề nghị các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền về bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu bằng nhiều hình thức theo quy định.

2. Thực hiện kiểm tra, hậu kiểm ATTP liên ngành

2.1. Kiểm tra, hậu kiểm ATTP liên ngành tuyến tỉnh

Để bảo đảm nguyên tắc tránh sự chồng chéo, trùng lặp trong công tác kiểm tra, hậu kiểm giữa các Đoàn liên ngành tuyến tỉnh và các địa phương; Ban chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh đề nghị thành lập 2 Đoàn kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2025 như sau:

- Sở Y tế chủ trì là Trưởng Đoàn số 1 - Đoàn Kiểm tra ATTP liên ngành tuyến tỉnh, thành viên là các Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Trung tâm kiểm nghiệm Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (phối hợp đưa tin). Địa bàn kiểm tra tại các xã mới thuộc khu vực Bình Phước cũ.

- Sở Công Thương (Giao Chi cục QLTT tỉnh) chủ trì là Trưởng Đoàn số 2 - Đoàn Kiểm tra ATTP liên ngành tuyến tỉnh, thành viên là các Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, phòng Quản lý Công nghiệp, Trung tâm kiểm nghiệm Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (phối hợp đưa tin). Địa bàn kiểm tra tại các xã mới thuộc khu vực Đồng Nai cũ.

- Các sở, ngành được phân công Trưởng Đoàn kiểm tra, khẩn trương chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, thành lập Đoàn kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu theo quy định.

- Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai chỉ tham gia Đoàn trong các ngày kiểm tra, hậu kiểm có sử dụng xe kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm.

2.2. Kiểm tra, hậu kiểm liên ngành tuyến xã, phường

Giao UBND các phường, xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, tổ chức triển khai các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các nội dung công tác bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ Tết Trung thu năm 2025 trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý;

- Chỉ đạo các lực lượng chức năng tại địa phương tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở kinh doanh bán trung thu không đảm bảo an toàn thực phẩm, lấn chiếm lòng đường vỉa hè, gây mất mỹ quan đô thị và trật tự an toàn giao thông trên địa bàn;

- Phối hợp chặt chẽ với các Đoàn liên ngành của tỉnh khi đến kiểm tra, làm việc tại địa phương, đồng thời cử cán bộ tham gia kiểm tra, hậu kiểm xuyên suốt khi Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh đến làm việc.

3. Công tác đưa tin, truyền thông

Đề nghị các cơ quan, báo, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai tăng cường đưa tin bài ảnh, phóng sự về tình hình an toàn thực phẩm phục vụ Tết Trung thu trên địa bàn. Tuyên truyền phổ biến kiến thức, các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

V. THỜI GIAN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Trưởng các Đoàn kiểm tra, hậu kiểm liên ngành tuyến tỉnh báo cáo kết quả thực hiện (theo mẫu 1 đính kèm) và UBND các xã, phường báo cáo kết quả thực hiện (theo mẫu 2 đính kèm) trước **ngày 09/10/2025** gửi về Sở Công Thương – Phó Ban chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Đồng Nai để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; đồng thời và gửi File mềm để tổng hợp về địa chỉ Email: attpcongthuongdongnai@gmail.com.

VI. VỀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Các đơn vị chủ trì là trưởng các Đoàn kiểm tra, hậu kiểm ATTP liên ngành trong dịp Tết Trung thu chịu trách nhiệm xây dựng dự toán và đảm bảo kinh phí để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, hậu kiểm do đơn vị chủ trì làm Trưởng đoàn chịu trách nhiệm chi trả.

- Chi phí công tác phí cho các thành viên tham gia đoàn do cơ quan cử cán bộ tham gia đoàn tự bảo đảm theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, hậu kiểm về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2025; Ban Chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả và báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Y tế, NN&MT, Công Thương;
- Chi cục QLTT;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chi cục phát triển nông thôn;
- Trung tâm Kiểm nghiệm Đồng Nai;
- Ban Lãnh đạo SCT;
- Website Sở Công Thương (đưa tin);
- Lưu: VT, TTR.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG
Trương Tấn Nhất Linh**

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về bảo đảm ATTP - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

- Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2023;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, năng lượng nguyên tử;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo; Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, thể

thao, quyền tác giả, quyền liên quan, văn hóa và quảng cáo; Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, thể thao, quyền tác giả, quyền liên quan, văn hóa và quảng cáo;

- Nghị định số 04/2020/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp, điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quảng cáo; Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 của Bộ Y tế quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế ;

- Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ

Y tế ban hành;

- Thông tư số 01/2014/TT-BKHCN ngày 18/01/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

- Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Các căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 189/2025 ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, năng lượng nguyên tử;

- Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi;

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo; Nghị

định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao, quyền tác giả, quyền liên quan, văn hóa và quảng cáo.

- Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp, điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí;

- Các nghị định khác của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

BÁO CÁO

**Kết quả kiểm tra, hậu kiểm trong dịp Tết Trung thu
năm 2025 do Đoàn liên ngành tỉnh thực hiện**

I. Ghi nhận báo cáo của các địa phương với Đoàn liên ngành tỉnh

- Công tác chỉ đạo của địa phương
- Công tác tuyên truyền, giáo dục
- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch Tết Trung thu 2025

II. Kết quả kiểm tra, hậu kiểm tại cơ sở thực phẩm do Đoàn liên ngành tỉnh phối hợp với địa phương thực hiện

Bảng 1: Tóm tắt kết quả kiểm tra, hậu kiểm:

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý, Trong đó:		
3.1	Số cơ sở vi phạm đã được xử lý ngay trong quá trình kiểm tra (nêu rõ hình thức xử lý):		
3.2	Số cơ sở có vi phạm đã giao địa phương xử lý		

Bảng 2: Nội dung vi phạm chủ yếu tại các cơ sở thực phẩm:

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hoá chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm			

5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khỏe trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức ATTP, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống làm thực phẩm			

14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			
17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn, căng tin kinh doanh ăn uống, bếp ăn tập thể, bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm mẫu			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm			

26	Vi phạm quy định về truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			
----	---	--	--	--

Bảng 3: Kết quả kiểm nghiệm mẫu do Đoàn tỉnh thực hiện

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hoá lý			
1.2	Vi sinh			
2	Tổng số XN tại labo			
2.1	Xét nghiệm nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu tại các bảng từ 1 - 3; nêu rõ những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của từng địa phương.

IV. Đề xuất kiến nghị của đoàn và ghi nhận kiến nghị của địa phương

(ghi cụ thể)

BÁO CÁO
Kết quả kiểm tra, hậu kiểm trong dịp Tết Trung thu năm 2025
do địa phương thực hiện (xã, phường)

MẪU 2

- I. Công tác chỉ đạo:** (nêu cụ thể)
- II. Kết quả kiểm tra, hậu kiểm tại cơ sở thực phẩm** (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành Tỉnh thực hiện và báo cáo):
1. Việc tổ chức các đoàn kiểm tra, hậu kiểm
- Tổng số đoàn kiểm tra, hậu kiểm.
2. Kết quả kiểm tra, hậu kiểm:

Bảng 1: Kết quả kiểm tra, hậu kiểm:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				
2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống				
Tổng số (1 + 2 + 3)					

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý. Trong đó:		
3.1 Hình thức phạt chính:			
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả			

*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hoá chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm			
5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			

6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khỏe trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức ATTP, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống sử dụng làm thực phẩm			
14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm			

	ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			
17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn, căng tin kinh doanh ăn uống, bếp ăn tập thể, bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm thực phẩm			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và thực hiện các giải pháp hạn chế			

	nguy cơ mất an toàn thực phẩm			
26	Vi phạm quy định về truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
2	Tổng số XN tại labo			
2.1	XN nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung :

(Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể):